

TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày: 17/01/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thủy
2. Ông Nguyễn Chí Bạ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện S, tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2017/TLST - HS ngày 22/12/2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân S - Sinh năm: 1975.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân B (đã chết) và bà Thiệu Thị N (đã chết); có vợ là Lê Thị T và 02 con lớn S năm 2000, nhỏ S năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2017 đến ngày 22/9/2017 chuyển tạm giam.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Lê Thị C - Sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Trọng D - Sinh năm 1987. (Vắng mặt) .

Địa chỉ: Số nhà 279 đường S, phường X, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/9/2017 Trịnh Huy H- Sinh năm 1980 ở thôn K1, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô (xe của H) chở Nguyễn Xuân S đi dọc theo đường Quốc lộ 45 đến quán sửa chữa mua bán điện thoại của chị Lê Thị C ở khối 1, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa để “ cắm ” điện thoại di động. Khi đến nơi Nguyễn Xuân S gặp anh Hoàng Văn V (là cháu của chị C) đang

bán hàng, S đưa cho V một điện thoại di động loại Nokia (cục gạch, đã qua sử dụng) và nói với V muốn cầm chiếc điện thoại đó với số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Anh V và S thống nhất với nhau, sau đó S đưa điện thoại cho anh V, anh V đưa tiền cho S. Trong lúc anh V lấy tiền đưa cho S thì S nhìn thấy một chiếc điện thoại di động để ở trên bàn (điện thoại di động của chị C, đã qua sử dụng, loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A5 - 2016, vỏ trước màu đen, vỏ sau màu vàng). S lấy trộm chiếc điện thoại di động, giấu vào người rồi đi ra ngoài. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở S đi xuống thành phố Thanh Hóa ngồi uống nước. Khi ngồi uống nước S lấy chiếc điện thoại di động vừa mới trộm cắp được ra, thấy vậy H có hỏi S “ điện thoại ở đâu đấy” thì S trả lời: “ mới trộm ở quán”. Sau đó S đi bộ ra quán mua bán sửa chữa điện thoại di động tại số nhà 287, đường T, phường S, thành phố Thanh Hóa gặp anh Lê Trọng D là chủ quán, S nói với anh D: “ Đây là điện thoại của tôi, tôi muốn bán ”, hai bên thỏa thuận, S bán cho anh D chiếc điện thoại với số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). S cầm số tiền trên quay lại nơi H ngồi uống nước, sau đó H điều khiển xe mô tô chở S đi mua ma túy, cả hai mua hết số tiền là 200.000đ, S và H đã cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên. Sau đó H chở S về nhà, trên đường về S cho H vay số tiền 600.000đ, và H đi khỏi nhà S.

Đến 18 giờ ngày 19/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã bắt khẩn cấp Nguyễn Xuân S tại nhà ở của S.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Nguyễn Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và trình bày: Số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) mà S đã bán điện thoại di động trộm được của chị C cho anh D, S đã mua ma túy và sử dụng hết 200.000đ, uống nước hết 100.000đ, cho H vay 600.000đ, còn lại 1.100.000đ và số tiền cầm điện thoại 200.000đ của S. Số tiền còn lại 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) S giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện S để trả lại cho anh D.

Ngày 20/9/2017 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện S đã định giá chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A5 - 2016 là vật chứng của vụ án tại thời điểm bị trộm cắp có trị giá là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 06/10/2017, chị C đã nhận lại chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Xuân S trộm cắp của chị tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S. Về phần dân sự, chị C không yêu cầu và đề nghị gì đối với bị cáo Nguyễn Xuân S.

Ngày 08/10/2017, anh D đã nhận lại số tiền 1.300.000đ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S. Về phần dân sự anh D đề nghị bị cáo phải trả thêm cho anh số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Đối với Lê Trọng D, khi mua điện thoại di động của S, anh D không biết đó là điện thoại do S trộm cắp mà có. Khi được thông báo, anh D đã giao nộp chiếc điện thoại di động trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S để phục vụ điều tra, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Trịnh Huy H đi cùng Nguyễn Xuân S không có nơi cư trú rõ ràng và không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S chưa thể làm việc được và sẽ tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKS-KT ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân S về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện S giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo: Nguyễn Xuân S từ 09 đến 12 tháng tù.

Về dân sự: Người bị hại chị Lê Thị C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Lê Trọng D số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Bị cáo Nguyễn Xuân S khai nhận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/9/2017 Nguyễn Xuân S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A5 - 2016 của chị Lê Thị C.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với báo cáo của người bị hại cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

{2} Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân mà không phải bỏ sức lao động. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo S đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị C một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy căn cứ vào điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 và không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999 cho bị cáo hưởng án treo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục, phòng ngừa

{3} Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản đã trả lại cho người bị hại là chị Lê Thị C, chị C không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

Đối với số tiền anh Lê Trọng D mua chiếc điện thoại của bị cáo, anh D mới nhận được 1.300.000đ, còn thiếu 700.000đ buộc bị cáo phải trả cho anh D.

{4} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I, Mục 2, Phần 1, tiêu mục 1.3a Danh mục án phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân S 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân S phải trả cho anh Lê Trọng D số tiền còn thiếu 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân S phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy